BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2011/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2011*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung của Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 142/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ ban hành Quy chế tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Nghị định số 44/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều về quy chế quản lý tài chính của công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 142/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 115/2009/NĐ-CP ngày 24/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 48/2000/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí và Quy chế đấu thầu dự án tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí ban hành kèm theo Nghị định số 34/2001/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí;

Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các Dự án điều tra cơ bản, tìm kiếm thăm dò dầu khí đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí ban hành kèm theo Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ do Công ty mẹ, các công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện (sau đây gọi tắt là dự án) theo các hình thức dưới đây:

1. Dự án do Công ty mẹ là chủ đầu tư và trực tiếp triển khai thực hiện hoặc giao cho công ty con thực hiện thông qua Hợp đồng dịch vụ;

2. Dự án do Công ty mẹ hoặc các công ty con trực tiếp điều hành hoặc tham gia góp vốn theo hình thức Hợp đồng dầu khí.

Điều 2. Đối với dự án do Công ty mẹ là chủ đầu tư và trực tiếp triển khai thực hiện hoặc giao cho công ty con thực hiện thông qua Hợp đồng dịch vụ

Việc tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí ban hành kèm theo Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó:

1. Tạm ứng: Căn cứ vào kế hoạch sử dụng Quỹ đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn phê duyệt; khối lượng công việc thực hiện và dự toán chi tiết của dự án được phê duyệt; Hợp đồng dịch vụ đã ký kết với công ty con (trường hợp giao cho công ty con thực hiện), Tổng giám đốc Tập đoàn quyết định mức tạm ứng cho từng lần nhưng tổng giá trị của các lần tạm ứng tối đa không vượt quá 90% tổng dự toán của dự án được phê duyệt.

2. Nghiệm thu: Khi kết thúc giai đoạn, kết thúc dự án hoặc dự án dừng thi công theo quyết định của cấp có thẩm quyền, Tổng giám đốc Tập đoàn chỉ đạo lập báo cáo nghiệm thu trình Hội đồng nghiệm thu Tập đoàn. Thành phần Hội đồng nghiệm thu do Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên Tập đoàn và trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của kết quả nghiệm thu.

Điều 3. Đối với dự án do công ty mẹ hoặc các công ty con trực tiếp điều hành hoặc tham gia góp vốn theo hình thức Hợp đồng dầu khí

1. Căn cứ vào Hợp đồng dầu khí đã ký kết; tiến độ góp vốn đã cam kết; văn bản yêu cầu góp vốn của Nhà điều hành; công văn đề nghị Tập đoàn xuất Quỹ để góp vốn (trường hợp công ty con trực tiếp điều hành hoặc tham gia góp vốn), Tổng Giám đốc Tập đoàn xem xét và quyết định xuất Quỹ với mức tối đa không vượt quá mức đã cam kết của tiến độ góp vốn vào dự án.

2. Khi dự án kết thúc hoặc dừng thi công theo quyết định của cấp có thẩm quyền, Tập đoàn phải thành lập Hội đồng nghiệm thu để xác định khối lượng công việc đã hoàn thành, chi phí thực hiện và kết quả đạt được của dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí ban hành kèm theo Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

a) Trường hợp đối với các dự án do công ty mẹ hoặc công ty con tham gia góp vốn, không thể tổ chức Hội đồng nghiệm thu thì Hội đồng thành viên Tập đoàn giao cho Thành viên Ủy ban quản lý đại diện cho công ty mẹ hoặc các công ty con tham gia góp vốn báo cáo kết quả thực hiện dự án, chi phí của dự án và phân bổ cho các bên tham gia để xem xét quyết định. Phần vốn đã góp nếu thiếu được Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí cấp thêm, nếu thừa phải nộp ngay về Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí;

b) Việc nghiệm thu, thanh toán phải phù hợp với chương trình công tác và ngân sách phê duyệt theo quy định của Hợp đồng dầu khí, các thỏa thuận điều hành chung. Trong đó, tiền lương, phụ cấp của cán bộ, nhân viên của công ty mẹ hoặc các công ty con được cử trực tiếp tham gia vào các Hợp đồng dầu khí được tính theo mức lương công ty mẹ hoặc các công ty con thực trả cho cán bộ, nhân viên này.

Điều 4. Xử lý đối với việc sử dụng sai, sử dụng không đúng mục đích tiền tạm ứng từ Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí

Kinh phí tạm ứng từ Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí phải được sử dụng đúng mục đích; trường hợp sử dụng sai, sử dụng không đúng mục đích hoặc sử dụng không hết phải hoàn trả lại Quỹ trong thời gian tối đa không quá 15 ngày làm việc kể từ khi có quyết định của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước. Quá thời hạn hoàn trả Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí, ngoài việc thu hồi kinh phí sử dụng không đúng mục đích hoặc sử dụng không hết về Quỹ, đơn vị sử dụng kinh phí phải nộp thêm khoản tiền chậm nộp tính bằng lãi suất đối với khoản tiền phải nộp theo kỳ hạn tương ứng thời gian chậm nộp của Ngân hàng thương mại nơi công ty mẹ mở tài khoản. Trường hợp phát sinh tổn thất thì tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất (bao gồm cả tiền phạt theo lãi suất vay quá hạn) và chịu xử lý theo quy định của pháp luật. Khoản tiền lãi phát sinh từ nguồn tiền của Quỹ gửi tại ngân hàng thương mại được hạch toán tăng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí.

Điều 5. Báo cáo khi kết thúc năm và khi dự án kết thúc

1. Chậm nhất 90 ngày sau khi kết thúc năm, Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo việc trích lập, sử dụng và quyết toán kinh phí Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí gửi Bộ Tài chính, Bộ Công thương để theo dõi, giám sát theo mẫu biểu quy định tại phụ lục số 1 và 2 kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày dự án tìm kiếm thăm dò kết thúc hoặc phải chấm dứt trước thời hạn, Hội đồng thành viên Tập đoàn phải tổ chức thẩm định và

phê duyệt quyết toán nguồn kinh phí của Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí đã cấp cho dự án, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công thương theo mẫu biểu quy định tại phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Quy định xử lý đối với một số dự án trước khi Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành

Đối với các dự án đang tiếp tục triển khai thuộc đối tượng và đủ điều kiện sử dụng Quỹ nhưng đã sử dụng nguồn vốn khác để thực hiện dự án trước khi Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành:

1. Tổng giám đốc Tập đoàn báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh quyết định phê duyệt dự án, trong đó cho phép chuyển nguồn vốn khác sang nguồn vốn Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí;

2. Khi dự án kết thúc, căn cứ vào kết quả đạt được của dự án, Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định xử lý kinh phí của Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí đã cấp cho dự án theo quy định tại Điều 10 Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí ban hành kèm theo Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 7. Xây dựng định mức chi tiêu, hồ sơ biểu mẫu chi tiết để quản lý dự án và quản lý quỹ

Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chỉ đạo Tổng giám đốc Tập đoàn xây dựng định mức chi tiêu đối với các dự án quy định tại Điều 2 Thông tư này và trình tự, thủ tục, hồ sơ, biểu mẫu chi tiết tạm ứng, nghiệm thu và thanh toán đối với các dự án quy định tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này gửi Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản trước khi ban hành.

Điều 8. Hạch toán kế toán việc trích lập, sử dụng và quyết toán kinh phí Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí

1. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam mở tài khoản cấp 2 của Tài khoản 418- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (TK 4181 - Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí).

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình trích lập, sử dụng quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí. Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí được trích lập từ tiền lãi dầu khí nước chủ nhà để lại hàng năm cho công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, từ lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp hàng năm của công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và từ các nguồn vốn khác (nếu có).

Kết cấu và nội dung phản ánh Tài khoản 4181 - Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí.

Bên Nợ:

Giá trị quyết toán dự án tìm kiếm thăm dò

Bên Có:

Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí tăng do trích từ tiền lãi dầu khí nước chủ nhà để lại hàng năm cho công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tăng từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm của công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và tăng từ các nguồn vốn khác.

Số dư bên Có:

Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí hiện còn.

2. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

2.1. Khi trích lập quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Có TK 4181 - Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí.

2.2. Khi trích lập quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí từ tiền lãi dầu khí nước chủ nhà để lại hàng năm cho công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và từ các nguồn vốn khác (nếu có), ghi:

Nợ TK liên quan

Có TK 4181 - Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí.

2.3. Khi phát sinh chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí để tiến hành các dự án điều tra cơ bản, tìm kiếm thăm dò dầu khí trên cơ sở kế hoạch, tiến độ thực hiện và dự án chi tiết được duyệt, ghi:

Nợ TK 246 - Chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (nếu có)

Có TK111,112...

2.4. Khi kết thúc giai đoạn, kết thúc dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền, căn cứ trên cơ sở kết quả báo cáo nghiệm thu dự án về khối lượng công việc đã hoàn thành, chi phí thực hiện và kết quả đạt được do cấp có thẩm quyền phê duyệt, nếu dự án có phát hiện thương mại, ghi:

a) Nếu có phát hiện dầu, khí có tính thương mại và được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển thành dự án phát triển thì sau khi có quyết toán kinh phí sử dụng quỹ ghi giảm Quỹ đồng thời ghi tăng nguồn vốn kinh doanh của chủ sở hữu của Tập đoàn, ghi:

Nợ TK 4181 - Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh.

b) Nếu dự án tìm kiếm thăm dò rủi ro, không có khả năng thu hồi chi phí thì sau khi quyết toán dự án:

- Đối với dự án điều tra cơ bản, dự án quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 4 Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí ban hành kèm theo Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ, ghi:

Nợ TK 4181 - Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí

Có TK 246 - Chi phí tìm kiếm thăm dò

- Đối với dự án còn lại, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam dùng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp, nếu thiếu thì hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty mẹ trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày kết thúc dự án:

+ Trường hợp sử dụng quỹ dự phòng tài chính, ghi:

Nợ TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 246 - Chi phí tìm kiếm thăm dò

+ Trường hợp tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty mẹ:

Nếu hạch toán ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty mẹ:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 246 - Chi phí tìm kiếm thăm dò

Nếu hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Chi tiết cho từng dự án)

Có TK 246 - Chi phí tìm kiếm thăm dò

Khi phân bổ ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Điều 9. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Phụ lục 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÌM KIẾM THĂM DÒ DO CÔNG TY MẸ LÀ CHỦ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP THỰC HIỆN HOẶC GIAO CHO CÔNG TY CON THỰC HIIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Năm.....

Đơn vị tính

TT	Tên dự án	Dự toán được duyệt	Tổng chi phí đã thực hiện lũy kế đến năm báo cáo		Số tiền đã được tạm ứng, thanh toán từ Quỹ lũy kế đến năm báo cáo		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó năm báo cáo	Tổng số	Trong đó năm báo cáo	
1	Dự án A... - Giai đoạn....						
2	Dự án B.... - Giai đoạn....						
	Tổng cộng						

Hà Nội, ngày.... tháng... năm.....

Người lập báo cáo **Kế toán trưởng** **Tổng Giám đốc**

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÌM KIẾM THĂM DÒ DO CÔNG TY MẸ HOẶC CÁC CÔNG TY CON TRỰC TIẾP ĐIỀU HÀNH HOẶC THAM GIA GÓP VỐN DƯỚI HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG DẦU KHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Năm.....

Đơn vị tính

TT	Tên Hợp đồng	Tổng dự toán của DA/giai đoạn TKTD	Tỷ lệ % tham gia	Số vốn góp được tạm ứng, thanh toán từ Quỹ lũy kế đến năm báo cáo		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó năm báo cáo	
1	Hợp đồng A...					
	- Giai đoạn....					
2	Hợp đồng B....					
	- Giai đoạn....					
	Tổng cộng					

Hà Nội, ngày.... tháng... năm...

Người lập báo cáo **Kế toán trưởng** **Tổng Giám đốc**

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ TÌM KIẾM THĂM DÒ DẦU KHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Năm.....

	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Số dư năm trước chuyển sang		
2	Số tăng trong năm:		
	- Từ tiền lãi nước chủ nhà để lại theo quy định		
	- Từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		
	- Nguồn khác		
3	Số giảm trong năm		
	- Kết chuyển tăng nguồn vốn đầu tư của CSH (đối với dự án TKTD chuyển thành dự án phát triển)		
	- Giảm nguồn từ Quỹ (đối với dự án TKTD rủi ro)		
4	Số dư Quỹ cuối năm		
	- Trong đó: số đã tạm ứng chưa quyết toán		

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập báo cáo	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc (Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 4

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính)

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-DKVN	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt quyết toán kinh phí thực hiện dự án....

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán kinh phí thực hiện dự án....

Tên dự án:

Chủ đầu tư:

Địa điểm:

Thời gian khởi công..... thời gian hoàn thành....

Điều 2. Kết quả thực hiện:

1. Nguồn vốn đầu tư:

TT	Nội dung	Tổng ngân sách được duyệt	Đã cấp
1	**2**	**3**	**4**
1			
2			
	Tổng cộng		

2. Chi phí đầu tư

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
1	2	3	4

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Nội dung	Tên tài sản	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận
Tổng số			
1. Tài sản cố định			
2. Tài sản lưu động			

Điều 3. Trách nhiệm của của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Thu hồi tiền bồi thường thiệt hại của tổ chức bảo hiểm hoặc tập thể, cá nhân có liên quan (nếu có) số tiền là:....

- Giá trị vật tư, tài sản thu hồi từ dự án số tiền là:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		
- Vốn ngân sách nhà nước - Quỹ tìm kiếm thăm dò - Vốn khác		

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày... tháng... năm....là:

+ Tổng nợ phải thu

+ Tổng nợ phải trả

(chi tiết các khoản công nợ)

2. Trách nhiệm của đơn vị có liên quan:

- Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

- Lưu trữ, bảo quản hồ sơ.

3. Các nghiệp vụ thanh toán khác (nếu có)

Điều 4. Thực hiện

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng giám đốc và Trưởng các Ban có liên quan của Tập đoàn,... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH